

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
Chuyên khoa I chuyên ngành Sản phụ khoa cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Sản phụ khoa cập nhật năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

- Nơi nhận: *hsk*
- Ban Giám hiệu (để b/c);
 - Như Điều 3;
 - Website trường;
 - Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số **299** /QĐ-ĐHYD ngày **17** tháng **2** năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General Information)

- Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
- Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
- Tên chương trình đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Sản phụ khoa*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Obstetrics and Gynecology*
- Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam.*
- Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa I*
- Ngành đào tạo: *Sản phụ khoa*
- Mã ngành đào tạo: *CK 60 72 13*
- Thời gian đào tạo: *03 năm.*
- Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt.*
- Hình thức đào tạo: *Tập trung theo đợt.*
- Danh hiệu văn bằng:
 - Tiếng Việt: *Bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành sản phụ khoa.*
 - Tiếng Anh: *The First Level Specialist in Obstetrics and Gynecology*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng các bệnh lý thuộc lĩnh vực sản phụ khoa	✓	✓	✓

II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo một số phẫu thuật, thủ thuật và các kỹ năng khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, dự phòng các bệnh lý thuộc lĩnh vực sản phụ khoa	✓	✓	✓
PEO 3	Giao tiếp và phối hợp được với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	✓	✓	✓
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 4	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	✓	✓

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	Phân loại	
		CĐR chung	CĐR chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh.	✓	
PLO 2	Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng một số cấp cứu và các bệnh Sản phụ khoa thường gặp.		✓
II. Kỹ năng			
PLO 3	Thực hiện thành thạo kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng được các bệnh lý thuộc lĩnh vực sản phụ khoa.		✓

PLO 4	Chỉ định và phân tích đúng, đầy đủ phương pháp thăm dò chức năng và xét nghiệm phục vụ chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng các bệnh lý Sản phụ khoa thường gặp.		✓
PLO 5	Thực hiện thành thạo chẩn đoán, điều trị, theo dõi, dự phòng một số cấp cứu Sản phụ khoa thường gặp.		✓
PLO 6	Thực hiện thành thạo một số thủ thuật, phẫu thuật cơ bản trong xử trí một số cấp cứu và các bệnh Sản phụ khoa thường gặp.		✓
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành Sản phụ khoa.	✓	

III. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 8	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	✓	
PLO 9	Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành Sản phụ khoa.	✓	
PLO 10	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	✓	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
PEO 1	✓	✓								
PEO 2			✓	✓	✓	✓				
PEO 3							✓			
PEO 4								✓	✓	✓

V. Thông tin tuyển sinh

Cá nhân tham gia dự tuyển CKI chuyên ngành Sản phụ khoa khi đạt các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp đại học ngành bác sĩ đa khoa.
- Có chứng chỉ hành nghề (theo quy định tại Luật Khám chữa bệnh): thí sinh chỉ được dự thi sau khi có chứng chỉ hành nghề.

Đối với trường hợp đăng ký dự thi chuyên ngành khác với phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ sau khi được cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hoạt động chuyên môn không tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi).

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).

2. Điều kiện tốt nghiệp

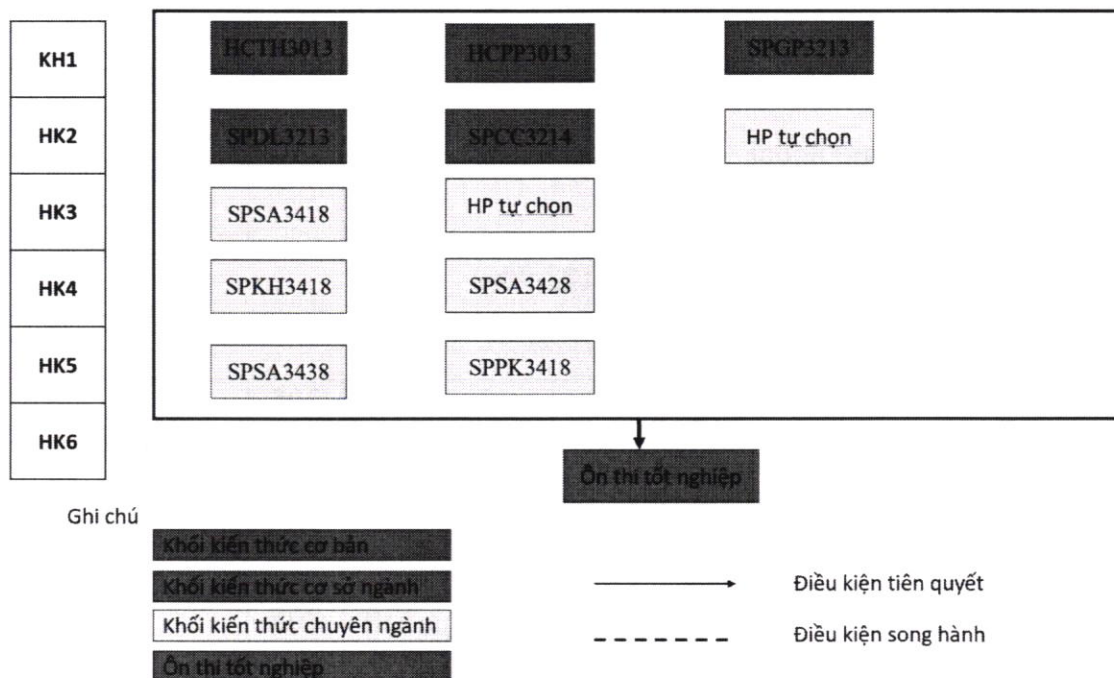
- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ.
- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình đào tạo(Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I	Khối kiến thức cơ bản: 6 (8,6%)									
1.1	Học phần/module bắt buộc:									
1	HCTH3013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2	HCPP3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				1
II	Khối kiến thức cơ sở ngành: 10 (14,3%)									
2.1	Học phần/module bắt buộc: 10									
3	SPGP3213	Giải phẫu tiểu khung và bộ máy sinh dục	3 (2/1)	30	30	90				1

4	SPDL3213	Dược lâm sàng	3 (1/2)	15	60	75				2
5	SPCC3214	Cấp cứu bụng ngoài khoa	4 (2/2)	30	60	110				2
III Khối kiến thức chuyên ngành: 51 (72,9%)										
3.1 Học phần/module bắt buộc: 40 (57,1%)										
6	SPSA3418	Sản 1	8 (3/5)	45	150	205				2
7	SPSA3428	Sản 2	8 (3/5)	45	150	205				4
8	SPSA3438	Sản 3	8 (3/5)	45	150	205				5
9	SPKH3418	Kế hoạch hóa gia đình	8 (3/5)	45	150	205				4
10	SPPK3418	Phụ khoa	8 (3/5)	45	150	205				5
3.2 Học phần/module tự chọn: 11 (15,7%) Học viên chọn 01 HP 5TC và 01 HP 6TC										
11	SPSS3515	Sơ sinh	5 (2/3)	30	90	130				2
12	SPSK3515	Sức khỏe sinh sản	5 (2/3)	30	90	130				2
13	SPNS3516	Nội soi sản phụ khoa	6 (2/4)	30	120	150				3
14	SPSM3517	Siêu âm sản phụ khoa	7 (3/4)	45	120	185				3
15	SPVS3516	Vô sinh và hỗ trợ sinh sản	6 (2/4)	30	120	150				3
16	SPSD3515	Soi đốt cổ tử cung	5 (2/3)	30	90	130				2
IV Ôn và thi tốt nghiệp: 3 (1/2): 4,3%										
17	SPTN3613	Ôn thi tốt nghiệp	3 (1/2)	15	60	75				6

VII. Tiến trình dạy học



VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của học phần (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	HCTH3013	H						M		H	
2	HCPP3013	H						M			
3	SPGP3213	M	M				M				M
4	SPDL3213	H	M			M					
5	SPCC3214		M				M				
6	SPSA3418	M		M	M	H		M	H	H	H
7	SPSA3428	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
8	SPSA3438	M		H	H	H	H	M	H	H	M
9	SPKH3418	M		M	M	H	M	M		H	M
10	SPPK3418	M		M	M	H		M	H		M
11	SPSS3515	M		M	M	H		M	H		M
12	SPSK3515	M		M	M	H		M	H		M
13	SPNS3516				M	M	H		M		M

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của học phần (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	SPSM3517				M	M	H		M		M
15	SPVS3516	M		H	M	M		M	M	M	
16	SPSD3515	M		M	M		H	M	M	H	M
17	SPTN3613	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thuyết trình	✓	✓								
Thảo luận	✓		✓	✓	✓		✓			
Giao ban	✓			✓	✓		✓			
Giảng bên giường bệnh	✓		✓		✓		✓	✓	✓	
Bình bệnh án	✓			✓				✓		✓
Bảng kiểm			✓		✓	✓		✓		✓
Hướng dẫn phẫu thuật/ Thủ thuật					✓	✓				✓

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	1, 2, 3, 4, 5	Điểm danh sự có mặt của người học trên lớp Mức độ tham gia các hoạt động học tập	10%
KTTX	1, 2, 3, 4	Tự luận, Chấm bệnh án	10%
Thi GHP	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	Tự luận, Chấm chỉ tiêu lâm sàng	30%
Thi KTHP	1,2,3,4, 5, 6, 7, 8, 9, 10	Báo cáo chuyên đề, Thi thực hành trên bệnh nhân/Hỏi thi bệnh án	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trắc nghiệm	✓	✓								
Báo cáo chuyên đề	✓	✓					✓	✓	✓	
Làm bệnh án	✓		✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓
Chỉ tiêu thực hành			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Kỹ năng thực hành trên người bệnh	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

XI. Đối sánh

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHY Hải Phòng		Trường ĐHYD TPHCM		Trường ĐHYD Huế		Trường ĐHYD, ĐHTN	
	ĐVHT	Tỷ lệ (%)	ĐVHT	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	20	20	24	24	20	19.4	6	8.6
Kiến thức cơ sở ngành	11	11	8	8	10	9.7	10	14.3
Kiến thức chuyên ngành	54.5	54.5	60	60	63	61.2	51	72.9
Tốt nghiệp	14.5	14.5	8	8	10	9.7	3	4.3
Tổng	100	100	100	100	103	100	70	100

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

A. Khối kiến thức cơ bản

1. Học phần Triết học

Học phần Triết học thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy- học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước đang đặt ra trong quá trình xây dựng và đổi mới. Phương pháp giảng: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá học phần là báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 1, 9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành, Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 1 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

B. Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ

1. Giải phẫu tiểu khung và bộ máy sinh dục

Học phần Giải phẫu tiểu khung và bộ máy sinh dục thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ cung cấp cho người học khối lượng kiến thức tổng hợp theo định khu một số vùng chính của cơ thể như ổ bụng và chậu hông. Các kiến thức về vị trí, phân khu, sự sắp xếp và liên quan của các tạng cũng như mối liên quan của chúng trong bụng, trong chậu hông bé. Các chi tiết giải phẫu về mạch máu thần kinh của các tạng và các dạng biến đổi giải phẫu về hệ thống mạch máu của chúng. Cung cấp thêm cho người học những kiến thức sâu liên quan đến các môn học cơ sở cũng như lâm sàng sau này để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương, bệnh lý các vùng, các cơ quan nội tạng để hình thành thái độ của người học trong quá trình học kiến thức. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận, vấn

đáp theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 1 (mức độ cao); 2,6,10 (mức trung bình) của chương trình đào tạo.

2. Học phần Dược lâm sàng

Học phần Dược lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về dược lâm sàng, giúp người học được nâng cao năng lực kê đơn thuốc, đảm bảo tính hiệu quả, an toàn trong điều trị. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 1 (mức độ cao); 2,5 (mức trung bình) của chương trình đào tạo.

3. Học phần Cấp cứu bụng ngoại khoa

Học phần Cấp cứu bụng ngoại khoa thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chẩn đoán và điều trị những bệnh lý cấp cứu ngoại khoa về bụng như: thủng ổ loét dạ dày tá tràng, viêm ruột thừa, chấn thương bụng, tắc ruột....., để người học có khả năng thực hành được những kỹ thuật chẩn đoán và các phương pháp điều trị cập nhật về bệnh lý cấp cứu bụng ngoại khoa, có khả năng xử lý tình huống cấp cứu ở bất cứ điều kiện nào. Kì vọng sau khi học cấp cứu bụng, học viên có những kiến thức cơ bản về cấp cứu ngoại khoa về bụng và áp dụng những kiến thức đó trong thực hành nghề nghiệp tại bệnh viện. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,6 (mức trung bình) của chương trình đào tạo

C. Khối học phần chuyên ngành

1. Học phần Sản 1

Học phần Sản 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về tiên lượng, theo dõi chuyển dạ đẻ thường và chăm sóc sản phụ trước, trong và sau đẻ. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, dạy - học bằng phương pháp đóng vai, dạy - học bên giường bệnh và dạy - học bằng bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, làm

bệnh án, vấn đáp tình huống trên người bệnh có bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 3, 4, 7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 5, 8, 9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

2. Học phần Sản 2

Học phần Sản 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về đẻ khó, suy thai, đa thai, đa ối, thiếu ối, thai quá ngày sinh, vỡ tử cung, băng huyết sau sinh, nhiễm khuẩn hậu sản. Học phần này giúp người học phát hiện, tiên lượng, chẩn đoán và xử trí kịp thời các trường hợp thai nghén nguy cơ cao. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, dạy - học bằng phương pháp đóng vai, dạy - học bên giường bệnh và dạy - học bằng bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, làm bệnh án, vấn đáp tình huống trên người bệnh có bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,8,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

3. Học phần Sản 3

Học phần Sản 3 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này giúp người học vận dụng được kiến thức về sản bệnh để chẩn đoán, tiên lượng và xử trí kịp thời các trường hợp bệnh lý về sản khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, dạy - học bằng phương pháp đóng vai, dạy - học bên giường bệnh và dạy - học bằng bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, làm bệnh án, vấn đáp tình huống trên người bệnh có bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,7,10 (mức độ trung bình); 3,4,5,6,8,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

4. Học phần Kế hoạch hóa gia đình

Học phần Kế hoạch hóa gia đình thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 4 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 4. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về kế hoạch hóa gia đình giúp cho các gia đình quyết định số con và thời gian sinh con hợp lý. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy -

học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,3,4, 6,7,10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 5,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

5. Học phần phụ khoa

Học phần Phụ khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 4 tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ 5. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để thăm khám, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng các bệnh lý phụ khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,3,4,7,10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 5,8 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

6. Học phần Sơ sinh

Học phần Sơ sinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành, tự chọn được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học có kiến thức về chẩn đoán, xử trí, dự phòng, quy trình một số thủ thuật, kỹ thuật sơ sinh thường gặp; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,3,4,7,10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 5,8 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

7. Học phần sức khỏe sinh sản

Học phần Sức khỏe sinh sản thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 2. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về sinh lý sinh dục theo từng lứa tuổi để tư vấn và giải quyết các vấn đề trong chăm sóc sức khỏe sinh sản. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,3,4,7,10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 5,8 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

8. Học phần nội soi sản phụ khoa

Học phần Nội soi Sản phụ khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 3. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về giải phẫu và phẫu thuật thực hành trong phẫu thuật nội soi. Đồng thời, học phần giúp cho người học rèn luyện kỹ năng phối hợp nhóm trong hoạt động chăm sóc sức khỏe người bệnh. Học phần này giúp người học có kiến thức cơ bản về kỹ thuật trong phẫu thuật nội soi. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống). Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 4,5,8,10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 6 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

9. Học phần siêu âm sản phụ khoa

Học phần Siêu âm sản phụ khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 3. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về tác động của sóng siêu âm lên cơ thể con người và các ứng dụng của siêu âm trong thăm khám, chẩn đoán trong sản phụ khoa. Học phần này cung cấp cho người học kỹ năng thực hành và chẩn đoán các bệnh lý sản phụ khoa thông thường bằng siêu âm. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống). Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 4,5,8,10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 6 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

10. Học phần vô sinh và hỗ trợ sinh sản

Học phần Vô sinh và hỗ trợ sinh sản thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 3. Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức về sinh lý sinh sản và các phương pháp hỗ trợ sinh sản, học viên áp dụng được kiến thức cơ bản trong tư vấn và điều trị vô sinh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống). Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,4,5,7,8,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 3 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

11. Học phần soi đốt cổ tử cung

Học phần Soi đốt cổ tử cung thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 2. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về kỹ năng soi, đốt nhằm phát hiện những bất thường ở cổ tử cung, điều trị một số tổn thương lành tính ở cổ tử cung. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống). Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,3,4,7,8,10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 6,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

12. Học phần Tốt nghiệp

Học phần Tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bắt buộc gồm 1 tín chỉ, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho học viên có kiến thức về chẩn đoán, xử trí, dự phòng, quy trình một số thủ thuật, kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán điều trị một số cấp cứu và các bệnh lý sản phụ khoa thường gặp; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc và xã hội. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Phương pháp đánh giá người học là tự luận (giải quyết tình huống). Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra chuẩn đầu ra 1,2,10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,8,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo







Đội ngũ giảng viên gồm có 41 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 2 tiến sĩ, 3 bác sĩ CKII, 11 thạc sĩ và 25 giảng viên kiêm nhiệm. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y- Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên và các bệnh viện thực hành khác.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho học viên BS nội trú. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được

trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Các bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên khá đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực... đáp ứng được yêu cầu đào tạo Bác sĩ nội trú.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: 20/05/2021

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Đánh mã học phần, chỉnh sửa khung chương trình	30/5/2021	 Cán Bá Quát	 Nguyễn Thị Bình
2	Bổ sung mô tả các học phần trong khung chương trình	1/6/2021	 Cán Bá Quát	 Nguyễn Thị Bình
3	Chỉnh sửa theo ý kiến hội đồng sau nghiệm thu: ma trận, giảng viên giảng dạy chương trình, biểu đồ tiến trình dạy học	22/6/2021	 Cán Bá Quát	 Nguyễn Thị Bình

XVI. Thành phần phê duyệt


Ban Giám hiệu

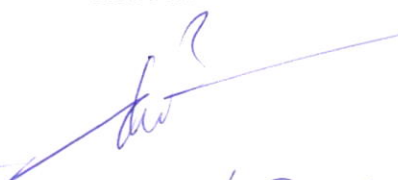
Hội đồng Khoa/Bộ môn

**Tổ trưởng xây dựng/
rà soát**



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng


Nguyễn Thị Bình


Cán Bá Quát

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

